ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 590 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 17 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Cao Lộc

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo 50 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 34/TTr-SXD ngày 10/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Cao Lộc, như sau:

1. Tên công trình: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Cao Lộc.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình thuộc dự án: nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Cao Lộc.

5. Mục tiêu: đầu tư xây dựng các trạm y tế nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân các xã: Thụy Hùng, Hòa Cư,

Phú Xá, huyện Cao Lộc.

6. Địa điểm xây dựng: trong khuôn viên khu đất của trạm y tế các xã: Thụy Hùng, Hòa Cư và Phú Xá, huyện Cao Lộc.

7. Diện tích sử dụng đất:

- Trạm y tế xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc: 670,1m^2.

- Trạm y tế xã Hòa Cư, huyện Cao Lộc: 500m^2.

- Trạm y tế xã Phú Xá, huyện Cao Lộc: 626m^2.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Trạm y tế xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc:

- Phá dỡ các hạng nhà lớp học, nhà tạm, cổng, tường rào cũ, tạo mặt bằng xây dựng.

- Xây dựng mới nhà cao 2 tầng, diện tích xây dựng 190m^2, tổng diện tích sàn 380m^2.

- Xây dựng mới các hạng mục phụ trợ gồm: nhà chứa rác (diện tích 7,4m^2); nhà để xe (diện tích 40m^2); cổng, tường rào; kè (gồm kè bằng bê tông, dài 16,02m; kè xây đá hộc, dài 14,33m); sân bê tông (diện tích 320m^2).

b) Trạm y tế xã Hòa Cư, huyện Cao Lộc:

- Phá dỡ nhà hiện trạng đã xuống cấp.

- Xây dựng mới nhà cao 02 tầng, diện tích xây dựng 181,2m^2, tổng diện tích sàn 357,6m^2.

- Xây dựng mới các hạng mục phụ trợ gồm: sân bê tông (diện tích 215m^2); bể nước; bể tự hoại; bể xử lý nước thải; nhà chứa rác (diện tích 9m^2);

c) Trạm y tế xã Phú Xá, huyện Cao Lộc:

- Phá dỡ nhà hiện trạng đã xuống cấp.

- Xây dựng mới nhà cao 02 tầng, diện tích xây dựng 205m^2, tổng diện tích sàn 469,6m^2.

- Xây dựng mới các hạng mục phụ trợ gồm: sân bê tông (diện tích 400m^2); bể nước; bể tự hoại; bể xử lý nước thải; nhà chứa rác (diện tích 9m^2).

9. Số bước thiết kế: 01 bước.

10. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

Liên danh Công ty Cổ phần Thời Đại và Công ty TNHH thương mại và tư vấn xây dựng Tân Minh LS, trong đó:

- Trạm y tế xã Phú Xá và Trạm y tế xã Hòa Cư huyện Cao Lộc: Công ty Cổ phần Thời Đại.

- Trạm y tế xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc: Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn xây dựng Tân Minh LS.

11. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- QCXDVN 05:2008/BXD Quy chuẩn về nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- TCVN 7022:2022 Trạm Y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9026:2012 Đặt thiết bị trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7114-1:2008 Chiếu sáng nơi làm việc. Phần 1: trong nhà.

- TCXD 16:1986 Chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng.

- TCXD 29:1991 Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng. Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

12. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

12.1. Trạm y tế xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc

12.1.1. Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công các công trình hiện trạng gồm: nhà lớp học số 1 cao 01 tầng (diện tích xây dựng 157,5m^2); nhà lớp học số 2 cao 01 tầng (diện tích xây dựng 64m^2). Vận chuyển đổ thải cách vị trí công trình 1,0km.

12.1.2. Tổng mặt bằng xây dựng

Trên khu đất của trụ sở Trạm y tế xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình:

- Nhà trạm y tế cao 02 tầng, được bố trí phía Tây Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Nam.

- Các hạng mục phụ trợ: nhà chứa rác cao 01 tầng, được bố trí phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Nam. Các hạng mục xây dựng khác như nhà để xe, cổng, kè chắn đất, tường rào, sân bê tông bố trí tại các vị trí phù hợp trong khuôn viên khu đất.

- Các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc chủ yếu đạt được: mật độ xây dựng 34,3%; số tầng cao tối đa 02 tầng; hệ số sử dụng đất 0,61 lần.

12.1.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

a) Nhà trạm y tế:

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ L; hành lang phía trước rộng 2,3m (tính theo tim tường); mái dốc, lợp tôn dày 0,4mm. Giao thông theo phương đứng gồm 01 cầu thang bộ, bố trí tại trục (1-3):(B-C). Mái dốc lợp tôn.

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh+phòng rửa lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng đẻ, phòng rửa, phòng sơ cấp cứu ốp bằng gạch men kích thước (300x450)mm cao 3,5m. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch men kích thước (300x450)mm cao 2,4m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dầy 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (2x10)mm^2 đến tủ điện tổng đặt tại ô cầu thang tầng 1. Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến các tầng. Cấp cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; cấp cho ổ cắm bằng dây CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong tường. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 18w, đèn tuýp led dài 2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần công suất 20w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m.

- Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ bể chứa nước hiện có bằng máy bơm (Q=3m^3/h, H=25m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước 2m^3). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính d=32mm, d=25mm.

- Thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm. Nước từ chậu rửa của các phòng nghiệp vụ được thu vào bể xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó chảy ra rãnh thoát nước mưa ngoài nhà.

+ Bể tự hoại: đặt trong nhà tại trục (1-2): (D-E). Bể đặt ngầm, kích thước bể (2,4x1,8x1,4)m; đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 2cm.

+ Bể xử lý nước thải: bể đặt ngầm, kích thước bể (2,7x1,8x2)m; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong và ngoài bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm.

+ Rãnh thoát nước: được bố trí xung quanh nhà trạm y tế, tiết diện rãnh (470x520)mm, thành rãnh được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; đáy rãnh được láng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1cm; nắp đậy rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=12mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=12mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d= 18mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất $R_{nđ} \leq 10\Omega$.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: mỗi tầng bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục B (đoạn từ trục 1-3); kích thước tủ (800x700x180)mm, mỗi tủ chứa 02 bình bột MFZ4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

b) Nhà chứa rác:

- Thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình vuông, kích thước theo tim tường (2,5x2,5)m; chiều cao nhà 4,35m; chiều cao tôn nền 0,15m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền nhà đổ bê tông xi măng cát mác 150 đá (2x4)cm dày 10cm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; toàn bộ tường trong và ngoài nhà quét vôi ve màu vàng nhạt. Cửa đi sử dụng cửa khung thép bịt tôn dày 0,35mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây CU/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 đến bảng điện đặt tại trong nhà. Từ bảng điện trong nhà cấp điện đến cho đèn bằng dây dẫn CU/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa xoắn đi ngầm tường. Chiếu sáng trong nhà sử dụng led trụ gắn trên tường, công suất 28w.

- Thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông xây dựng mới.

c) Nhà để xe: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (9,5x4,2)m. Chiều cao tôn nền 100mm so với mặt sân; chiều cao nhà 3,3m; mái dốc lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ bằng thép hộp tiết diện (60x30x1,4)mm gác trên vì kèo bằng thép hộp tiết diện (80x40x1,4)mm. Móng cột bằng bê tông mác 200, sâu 0,6m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép ống d=76mm, được chôn sâu xuống đáy móng; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 150, dày 100m.

d) Cổng: được bố trí trên tuyến ranh giới phía Đông của khu đất. Cổng rộng 4,5m (gồm 02 cánh, mỗi cánh rộng 2,25m, cao 2m), cổng được thiết kế bởi tổ hợp các thanh thép hộp mạ kẽm tiết diện (26x13x1,2)mm, (60x30x1,4)mm, cổng có bánh xe. Trụ cổng kích thước (0,6x0,6x2,8)m. Trụ cổng bằng bê tông cốt thép kết hợp xây bằng gạch (trong đó: phần lõi trụ cổng bằng bê tông cốt thép tiết diện (350x350)mm, bê tông mác 200, phần ngoài xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50). Móng trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200. Trát trụ cổng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

e) Kè (gồm kè bằng bê tông xi măng và kè xây gạch)

- Kè bê tông: ký hiệu 01 (chiều dài 16,02m), được xây dựng trên tuyến ranh giới phía Tây Nam của khu đất (tiếp giáp với nhà dân), kè cao 2m, chiều rộng đỉnh kè 30cm; móng kè rộng 80cm, kè đổ bằng bê tông xi măng mác 150.

- Kè xây gạch:

+ Đoạn kè ký hiệu số 02 (chiều dài 15m): được xây dựng trên tuyến ranh giới phía Đông Nam của khu đất, kè được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75. Móng kè rộng 0,33m sâu 0,5m. Tường kè rộng 0,22m, cao 1,4m.

+ Đoạn kè ký hiệu số 03 (chiều dài 5,9m): được xây dựng trên tuyến ranh giới phía Đông Bắc của khu đất, kè xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75. Móng kè rộng 0,33m sâu 0,5m. Tường kè rộng 0,22m, cao 1,4m.

+ Đoạn kè ký hiệu số 04 (chiều dài 15,9m): được xây dựng trên tuyến ranh giới phía Đông của khu đất, kè xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75. Móng kè rộng 0,33m sâu 0,5m. Tường kè rộng 0,22m, cao 0,6m.

+ Đoạn kè ký hiệu số 05 (chiều dài 9,4m): được xây dựng trên tuyến ranh giới phía Tây Bắc của khu đất, kè xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75. Móng kè rộng 0,33m sâu 0,5m. Tường kè rộng 0,22m, cao 1,4m.

g) Tường rào: được xây dựng trên tuyến ranh giới của khu đất. Móng tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50, xây cao 2m. Trát tường rào bằng vữa xi măng cát mác 50 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện tường rào bằng sơn 01 nước lót, 02 nước phủ.

h) Sân bê tông: kết cấu từ trên xuống dưới gồm bê tông xi măng mác 200 dầy 10cm; ni lông chống thấm.

12.2. Trạm y tế xã Hòa Cư, huyện Cao Lộc

12.2.1. Phá dỡ các công trình gồm: nhà trạm cũ cao 01 tầng (diện tích xây dựng 95,6m^2); nhà công vụ (diện tích xây dựng 15,6m^2); nhà bệnh nhân (diện tích xây dựng 14,6m^2); nhà để xe; bán mái; bể chứa nước; nhà lớp học mầm non, nhà hiệu bộ tạo mặt bằng thi công. Phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công, vận chuyển đổ thải cách vị trí công trình 1km.

12.2.2. Tổng mặt bằng xây dựng

Trên khu đất đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình:

- Nhà trạm y tế: cao 02 tầng, được bố trí phía Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Nam.

- Các hạng mục phụ trợ: nhà chứa rác cao 01 tầng, bố trí phía Bắc của khu đất (phía sau nhà trạm y tế), mặt đứng chính hướng Nam. Các hạng mục xây dựng khác như sân bê tông, bể nước, bể tự hoại, bể xử lý nước thải bố trí tại các vị trí phù hợp trong khuôn viên khu đất.

- Các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc chủ yếu đạt được: mật độ xây dựng 46,4%; số tầng cao tối đa 02 tầng; hệ số sử dụng đất 0,81 lần.

12.2.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

a) Nhà trạm y tế:

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ L; hành lang phía trước rộng 2,3m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm. Giao thông theo phương đứng gồm 01 cầu thang bộ, bố trí tại trục (3-4):(E-F).

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng đẻ, phòng tiệt trùng, phòng kế hoạch hóa gia đình ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao đến trần. Tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 3m. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 3,1m. Tường trong và ngoài nhà, trần nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (có bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dầy 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: cấp điện cho hạng mục công trình được lấy từ cột điện ngoài nhà (điểm đấu nối cấp điện cách hạng mục công trình 30m), dùng dây dẫn PVC (3x35)+1x25)mm^2 cấp điện đến tủ điện tổng. Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến các tầng. Dây dẫn cấp điện cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; dây dẫn cấp điện cho ổ cắm bằng dây CU/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2; dây dẫn cấp điện cho bình nóng lạnh, điều hòa dùng dây CU/PVC tiết diện (2x4)mm^2. Toàn bộ dây dẫn điện đi ngầm trong tường. Chiếu sáng trong các phòng sử dụng đèn neon công suất mỗi bóng 40w, đèn dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn ốp trần tròn d=200, công suất 45w. Thông gió nhân tạo sử dụng điều hòa nhiệt độ (để chờ).

- Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được lấy từ giếng khoan cấp đến bể chứa nước ngầm. Từ bể chứa nước, nước được bơm lên téc chứa nước

đặt trên sàn mái (02 téc nước, dung tích mỗi téc chứa nước là $2m^3$) bằng máy bơm (công suất $Q=3m^3/h$, H=15m). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính d=32mm, d=25mm. Bể chứa nước được bố trí trong nhà tại vị trí trục (3-4):(E-F), bể đặt ngầm. Kích thước bể (3x1,8x1,9)m; lót đáy bể bằng bê tông đá (4x6)cm, mác 150; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 150cm; nắp bể bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200 dày 10cm; thành bể xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; trát trong và ngoài bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm.

- Thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Từ bể tự hoại thoát ra hố ga ngoài nhà, thoát ra hệ thống thoát nước chung. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm. Nước từ chậu rửa của các phòng nghiệp vụ được thu vào bể xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó chảy ra rãnh thoát nước mưa ngoài nhà.

+ Bể tự hoại: đặt trong nhà (tại vị trí ô trục 4-5, đoạn từ trục E-F). Bể đặt ngầm, kích thước bể (1,8x1,8x2)m; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong và ngoài bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm.

+ Bể xử lý nước thải: đặt ngoài nhà (cách tim trục D là 710mm). Bể đặt ngầm, kích thước bể (2,7x1,8x2)m; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong và ngoài bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d= 16mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m. Điện trở nối đất $R_{nđ} \leq 10\Omega$.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: mỗi tầng bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục 4 (đoạn từ trục E-F); kích thước tủ (500x600x180)mm, mỗi tủ chứa 03 bình bột MFZ4 (4kg) và 03 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

b) Nhà chứa rác:

- Thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (3,3x2,5)m; chiều cao nhà 4,5m; chiều cao tôn nền 0,36m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (30x60x1,1)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền nhà lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm trên nền bê tông xi măng mác 150 dày 100mm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 1,5cm; toàn bộ tường trong và ngoài nhà sơn 01 nước lót, 02 nước phủ (không bả). Cửa đi sử dụng thép hộp.

- Thiết kế cấp điện: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây CU/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 đến bảng điện đặt trong nhà.

- Thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông.

c) Sân bê tông: kết cấu từ trên xuống dưới gồm: bê tông xi măng mác 200 dầy 10cm; ni lông chống thấm.

12.3. Trạm y tế xã Phú Xá, huyện Cao Lộc

12.3.1. Phá dỡ các công trình gồm: nhà trạm cũ; nhà công vụ; nhà vệ sinh; nhà xe tạo mặt bằng xây dựng. Phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công; vận chuyển đổ thải cách vị trí công trình 1km.

12.3.2. Tổng mặt bằng xây dựng

Trên khu đất của đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình:

- Nhà trạm y tế: cao 02 tầng, được bố trí phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Nam.

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà chứa rác cao 01 tầng, được bố trí phía Tây Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Nam. Các hạng mục xây dựng khác như sân bê tông, bể nước, bể tự hoại, bể xử lý nước thải bố trí tại các vị trí phù hợp trong khuôn viên khu đất.

- Các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc xây dựng chủ yếu đạt được: mật độ xây dựng 34,2%; số tầng cao tối đa 02 tầng; hệ số sử dụng đất 0,76 lần.

12.3.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

a) Nhà trạm y tế

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ L; hành lang phía trước rộng 2,3m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm. Giao thông theo phương đứng gồm 01 cầu thang bộ, bố trí tại trục (1-2):(E-F).

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng đẻ, phòng tiệt trùng, phòng kế hoạch hóa gia đình ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x450)mm cao đến trần. Tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 2,25m. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x450)mm

cao 1,8m. Tường trong và ngoài nhà, trần nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Cửa sổ và cửa đi dùng cửa sắt sơn tĩnh điện màu ghi sáng, hoa sắt dùng sắt vuông đặc tiết diện (12x12)mm sơn 3 nước bằng sơn tổng hợp.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: cấp điện cho hạng mục công trình được lấy từ cột điện ngoài nhà, dùng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x25)mm^2 cấp điện đến tủ điện tổng đặt tại khu cầu thang. Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến các tầng. Dây dẫn cấp điện cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; dây dẫn cấp điện cho ổ cắm bằng dây CU/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2; dây cấp điện điều hòa (để chờ) dùng dây CU/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Toàn bộ dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm d=16mm, đi ngầm trong tường. Chiếu sáng trong các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 20w, đèn dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn ốp trần tròn công suất 18w. Thông gió nhân tạo sử dụng quạt trần sải cánh dài 1,4m.

- Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được lấy từ bể chứa xây mới. Từ bể chứa nước, nước được bơm lên téc chứa nước đặt trên sàn mái (dung tích 3m^3) bằng máy bơm nước tự động 0,7kw. Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính d=32mm, d=25mm.

Bể chứa nước: được bố trí phía Đông Bắc của khu đất (bể đặt ngầm). Kích thước bể (2,02x2,62x1,8)m; lót đáy bể bằng bê tông đá (4x6)cm, mác 150; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 150cm; nắp bể bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200 dày 10cm; thành bể xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; trát trong và ngoài bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm.

- Thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Từ bể tự hoại thoát ra bể tự ngấm đặt bên ngoài nhà. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm. Nước từ chậu rửa của các phòng nghiệp vụ được thu vào bể xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm.

+ Bể tự hoại: đặt phía ngoài nhà. Bể đặt ngầm, kích thước bể (2,4x1,8x1,35)m; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200; nắp bể bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong và ngoài bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm.

+ Bể tự ngấm: kích thước (2,2x1,4x2,05)m; lót đáy bể bằng bê tông mác 150; thành bể xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50. Nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200 dày 10cm. Cấu tạo từ trên xuống dưới gồm: than củi dày 200mm, than xỉ dày 200mm, gạch vỡ dày 200mm; gạch xếp dày 100mm.

+ Bể xử lý nước thải: bể đặt ngầm, kích thước bể (2x1,5x2,2)m; đáy bể bằng bê tông mác 150, láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 20mm; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong và ngoài

bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1,2m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d= 16mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m. Điện trở nối đất $R_{nđ} \leq 10\Omega$.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: mỗi tầng bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục 4 (đoạn từ trục E-F); kích thước tủ (500x600x180)mm, mỗi tủ chứa 03 bình bột MFZ4 (4kg) và 03 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

b) Sân bê tông (diện tích 400m^2): kết cấu từ trên xuống dưới gồm: bê tông xi măng mác 200 dầy 10cm; ni lông chống thấm.

c) Nhà chứa rác:

- Thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (3,3x2,5)m; chiều cao nhà 4,5m; chiều cao tôn nền 0,36m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (30x60x1,1)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền nhà lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm trên nền bê tông xi măng mác 150 dày 100mm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 1,5cm; toàn bộ tường trong và ngoài nhà sơn 01 nước lót, 02 nước phủ (không bả). Cửa đi sử dụng thép hộp.

- Thiết kế cấp điện: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây CU/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 đến bảng điện đặt trong nhà.

- Thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông.

13. Dự toán xây dựng công trình (làm tròn): 10.138.185.000,0 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 8.476.190.769 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 265.535.940 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 804.498.533 đồng;
- Chi phí khác: 109.188.953 đồng;
- Chi phí dự phòng: 482.770.709 đồng.

14. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022-2023.

15. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển

kinh tế - xã hội: 9.000.000.000 đồng.

- Vốn ngân sách huyện: 1.138.185.000 đồng.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án: chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn; Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên